

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày 11/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Huỳnh Hữu H (tên gọi khác: Tư H), sinh năm 1984 tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu P và bà Phạm Thị H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 2697/HSPT ngày 22/11/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Huỳnh Hữu H 10 năm tù về tội cướp tài sản và trộm cắp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 23/6/2013).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Văn B (tên gọi khác: C), sinh năm 1990 tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp Z, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Kim

Ln; vợ Trần Thị T (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/10/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 21/5/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Nguyễn Văn C (tên gọi khác: S), sinh năm 1979 tại huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị N; vợ Lê Thị Mỹ L và 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2016).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Võ Công T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Nguyễn Phong P, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Minh H (Queo), sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P Yên, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Hữu H và bị cáo Nguyễn Văn B có mối quan hệ là bạn bè, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên sống tụ tập tại nhà của Nguyễn Văn C và đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 11/12/2019 ông Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S (D), biển số 64E1 - 118.06 đi từ nhà đến dừng tại bãi đất trống cạnh đường tỉnh 909 thuộc địa phận ấp 10, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để đi ra ruộng cách vị trí dừng xe khoảng 100 mét. Khoảng 05 phút sau,

ông T quay lại nhìn thì phát hiện xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 đã bị mất nên trình báo đến Công an xã M. Đến ngày 12/12/2019 Công an xã M chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thụ lý.

Quá trình điều tra đã chứng minh được Huỳnh Hữu H và Nguyễn Văn B đã lấy trộm xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 của ông Nguyễn Văn T, cụ thể như sau:

Vào khoảng 15 giờ 35 phút ngày 11/12/2019, Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô biển số 64F4 - 2416 (xe mượn của Nguyễn Văn C, không có giấy đăng ký) chở Huỳnh Hữu H đi trên đường tỉnh 909 theo hướng từ chợ C - đường tỉnh 905. Khi đến địa phận ấp 10, xã M, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long thì H ngồi phía sau phát hiện xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 của ông Nguyễn Văn T dựng ở bãi đất trống nên H kêu B dừng xe lại và H xuống xe đi đến nơi dựng xe mô tô biển số 64E1 - 118.06. B biết được H sẽ lấy trộm xe mô tô này nên B quay đầu xe lại và dựng cặp lề lộ đứng cạnh giới cho H dùng cây đoản tự chế mang theo sẵn (đã rút mất, không thu giữ được) để bẻ khóa lấy trộm xe mô tô biển số 64E1 - 118.06. H và B cùng điều khiển xe chạy đến nhà của Nguyễn Văn C. Tại đây, B và H đều nói cho C biết xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 là do H và B vừa lấy trộm được. Sau đó H, B và C tháo biển số, kính chiếu hậu, ba ga, bửng chắn bùn, tem xe, cà làm hư hỏng số khung, số máy của xe vừa lấy trộm được nhằm làm thay đổi đặc tính của xe. Dù biết rõ xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 là tài sản do H và B trộm cắp mà có nhưng C vẫn đồng ý để cho H và B cất giấu xe tại nhà của mình. Đến ngày 13/12/2019, do sợ bị công an phát hiện nên C nhờ Nguyễn Minh H (tên thường gọi: Queo) gửi xe mô tô do H và B lấy trộm tại nhà của Nguyễn Phong P (em ruột của H) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam B phát hiện và thu giữ xe trong tình trạng không biển số và bị thay đổi một số đặc tính bên ngoài (P không biết xe mô tô do C gửi là tài sản do trộm cắp mà có).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Kawasaki, loại xe Max, màu trắng, biển số 64F4 - 2416.
- 01 ba ga xe mô tô bằng kim loại màu trắng;
- 02 gương chiếu hậu;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn: trắng - đen; không gương chiếu hậu; số máy, số khung bị tẩy xóa, không biển số.

Về xử lý vật chứng:

- Ngày 17/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả cho bị hại Nguyễn Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 64E1 - 118.06 (đã bị mất), không có tem, số khung RLHJC5218CY476727, số máy JC52E-4496056; 01 ba ga inox; 02 gương chiếu hậu;

- Đối với xe mô tô biển số 64F4 - 2416 mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, căn cứ vào kết quả tra cứu của Công an huyện T thì biển số không đúng với chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang quản lý, hiện tại xe không có giấy chứng nhận đăng ký nên cần chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự quản lý để chờ xét xử.

Căn cứ vào kết luận định giá số 228/KL.ĐGTS, ngày 24/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: giá trị còn lại của xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 tại thời điểm mất trộm là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 06 giờ, ngày 28/11/2019 anh Võ Công T ngụ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát hiện cây mai vàng trồng trong vườn nhà bị mất trộm. Đến ngày 14/12/2019 anh T phát hiện cây mai vàng của anh bị mất được trồng phía sau nhà của Nguyễn Văn C nên anh T trình báo sự việc đến Công an xã S. Ngày 18/12/2019, Công an xã S chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thụ lý.

Quá trình điều tra đã xác định được vào khoảng 23 giờ ngày 27/11/2019, Huỳnh Hữu H mượn xe mô tô biển số 64F4 - 2416 của Nguyễn Văn C và lấy tại nhà C một cây giá đào đất (đã rút mất, không thu giữ được) rồi một mình H điều khiển xe đi đến vườn nhà anh Võ Công T để đào lấy trộm một cây mai vàng đem về nhà C cất giấu. Đến sáng ngày 28/11/2019, C hỏi H cây mai vàng ở đâu có thì H nói cho C biết là cây mai vàng do H trộm cắp mà có. Dù C biết rõ cây mai vàng mà H để tại nhà C là tài sản do H trộm cắp mà có nhưng C vẫn hỏi mua cây mai vàng. H đã tặng cho C cây mai vàng và C trồng cây mai phía sau nhà cho đến khi anh T phát hiện và trình báo cho Công an thu giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cây mai vàng có 06 chi, tán chùy, bề hoành gốc 30cm, thân cao 02 mét.

Về xử lý vật chứng: Ngày 18/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả cho bị hại Võ Công T 01 cây mai vàng có 06 chi, tán chùy, bề hoành 30cm, thân cao 02 mét.

Tại kết luận định giá số 01/KL.ĐGTS, ngày 03/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Một cây mai vàng có 06 chi, tán chùy, bề hoành 30cm, thân cao 02 mét có giá trị tại thời điểm mất trộm là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là ông Nguyễn Văn T, anh Võ Công T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Đối với cây giá đào đất mà bị cáo H đã lấy tại nhà của bị cáo C và làm rút mất, hiện nay bị cáo C cũng không yêu cầu bị cáo H bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSTB ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn Bình về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng hành vi, không oan, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh H về việc cất giấu xe mô tô do H và B lấy trộm chưa đủ cơ sở chứng minh hành vi của H là có phạm tội hay không. Do đó, khi nào làm rõ hành vi của H nếu có đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có thì sẽ tiến hành xử lý sau.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản”, truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đối với tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo Huỳnh Hữu H: Căn cứ vào xác nhận kết quả thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ngày 20/4/2020 thì Huỳnh Hữu H còn phải liên đới với 03 bị án khác trong vụ án là Q, D và V phải thi hành cho ông Phạm Văn U số T 450.000 đồng. Đến nay, người được thi hành án không có yêu cầu thi hành án, căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự, tính đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án (05 năm kể từ ngày nhận được Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật). Do đó, bị cáo H đương niên được xóa án tích đối với bản án hình sự số 2697/HSPT ngày 22/11/2004 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt 10 năm tù đối với bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” nên trong lần phạm tội này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”; từ 06 (Sáu)

tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội: từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Nguyễn Văn C không yêu cầu gì đối với xe mang biển số 64F4 – 2416 và cây giá đào đất nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy biển số 64F4 – 2416.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 35 phút ngày 11/12/2019, Huỳnh Hữu H và Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 64E1 - 118.06, trị giá 7.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T tại địa phận ấp 10, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy trộm được xe mô tô biển số 64E1 - 118.06, H và B điều khiển xe đi đến nhà của Nguyễn Văn C, ngụ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Mặc dù H và B đã nói cho C biết xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 là do H và B vừa lấy trộm được nhưng C vẫn đồng ý giúp cho H và B cất giấu xe để tránh sự phát hiện của công an. Đến ngày 13/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ được xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 để trả lại cho bị hại.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn chứng minh được vào khoảng 23 giờ, ngày 27/11/2019, Huỳnh Hữu H đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp cây mai vàng, trị giá 4.000.000 đồng của anh Võ Công T tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi lấy trộm được cây mai vàng, H đem cất giấu tại nhà của Nguyễn Văn C. Đến sáng ngày 28/11/2019, H nói cho C biết cây mai vàng là do H trộm cắp mà có và H đã tặng cây mai vàng cho C trồng phía sau nhà thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu hồi và trả cho bị hại.

Hành vi của các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là thanh niên, có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Các bị cáo H, Bình nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật hình sự trừng phạt nhưng vẫn thực hiện. Về nhân thân của các bị cáo H, B đều chấp hành án về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo C, mặc dù biết rõ tài sản do bị cáo H, B trộm cắp của người khác mà có, lẽ ra bị cáo phải khuyên ngăn nhưng bị cáo đồng ý cất giấu xe trộm được ở nhà mình và mua lại cây mai bị cáo H trộm được trồng sau nhà của bị cáo.

Các bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi đó thể hiện ý thức xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Trong vụ án trộm cắp tài sản là xe mô tô biển số 64E1 - 118.06 do H và B thực hiện thì bị cáo H là người rủ và cũng chính là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo B cùng thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức, giữa hai bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ trước khi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Văn C thực hiện hành vi phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có một cách riêng lẻ, không có vai trò đồng phạm.

Do vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xử lý nghiêm đúng với từng hành vi của từng bị cáo nhằm để giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

[2.3.1] Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo H: Bị cáo H thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản ở hai khoảng thời gian khác nhau và giá trị tài sản trong từng lần trộm cắp đều đủ định lượng của tội trộm cắp tài sản (trên 02 triệu) nên bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại

điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào xác nhận kết quả thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ngày 20/4/2020 thì Huỳnh Hữu H còn phải liên đới với 03 bị án khác trong vụ án là Q, D và V phải thi hành cho ông Phạm Văn U số tiền 450.000 đồng. Đến nay, người được thi hành án không có yêu cầu thi hành án, căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự, tính đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Do đó, bị cáo H đương niên được xóa án tích đối với bản án hình sự số 2697/HSPT ngày 22/11/2004 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt 10 năm tù đối với bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” nên trong lần phạm tội này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.3.2] Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Nguyễn Văn C không yêu cầu gì đối với xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng mang biển số 64F4 – 2416 và cây giá đào đất nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với xe 01 xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng và biển số 64F4 - 2416 mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, căn cứ vào kết quả tra cứu của Công an huyện T thì biển số không đúng với chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang quản lý, hiện tại xe không có giấy chứng nhận đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật. Chiếc xe này các bị cáo H, Bsử dụng làm phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng. Đối với biển số 64F4 – 2416 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/3/2020.

[2.6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (Một) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

3.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”; 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Nguyễn Văn T, anh Võ Công T đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Nguyễn Văn C không yêu cầu gì đối với 01 (Một) xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng, biển số 64F4 – 2416 và 01 (Một) cây giá đào đất nên không xem xét giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô hiệu Kawasaki, loại Max, màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) biển số 64F4 – 2416.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/3/2020.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Hữu H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ - CA huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thanh Thảo